

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **167/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 06/9/2021
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đàm Thị Kim Duyên - Cán bộ Phòng Tài chính kế hoạch huyện Hàm Yên.
2. Bà Nguyễn Hà Linh - Cán bộ Huyện đoàn Hàm Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 06/9/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức G, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang..

(Chị B và anh G đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức G kết hôn với nhau ngày 06/5/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Cuộc sống chung vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không bàn bạc với nhau trong làm ăn kinh tế gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay và trong thời

gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, trầm trọng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức G.

- *Về con chung*: Chị và anh Nguyễn Đức G có 03 con chung là cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 24/7/2012, cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 01/02/2014 và cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 27/7/2017. Hiện các cháu đang ở cùng anh G, sau khi ly hôn chị nhất trí để anh G được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung và chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh G với số tiền 1.000.000đồng/tháng/1 cháu, cả ba cháu là 3.000.000đồng/tháng đến khi cả ba cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- *Về tài sản chung*: Chị B xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Chị B xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại biên bản lấy lời khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức G trình bày*:

Anh và chị Hoàng Thị B kết hôn với nhau ngày 06/5/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị B có quan hệ với một người đàn ông khác và vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa. Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, anh nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị B.

- *Về con chung*: Anh và chị B có 03 con chung là cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 24/7/2012, cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 01/02/2014 và cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 27/7/2017, hiện đang ở cùng anh, sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 03 con chung đến khi trưởng thành và yêu cầu chị B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh với số tiền 1.000.000đồng/tháng/cháu.

- *Về tài sản chung*: Anh G xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Anh G không yêu cầu giải quyết.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*:

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn chưa chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án anh G nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị B, nhưng Tòa án báo gọi nhiều lần anh G không đến tham gia hòa giải dẫn đến việc không hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử.

- *Về nội dung*: Chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Đức G kết hôn với nhau ngày 06/5/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện chị B và anh G đã sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh G đã trầm

trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các quy định của Luật hôn nhân và gia đình đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B và xử cho chị Hoàng Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Đức G. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cả ba con chung cho anh Nguyễn Đức G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và yêu cầu chị B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung cùng anh G với số tiền 1.000.000đồng/tháng/cháu.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Hoàng Thị B phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án anh G nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị B, nhưng Tòa án báo gọi nhiều lần anh G không đến tham gia hòa giải dẫn đến việc không hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử. Về sự có mặt của đương sự chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Đức G đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Đức G kết hôn với nhau ngày 06/5/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương. Như vậy hôn nhân giữa chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Đức G là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị B xác định cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng không thể hòa hợp được, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh G. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Qua xác minh với chính quyền địa phương xác định quá trình chung sống chị B và anh G có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và vợ chồng đã sống ly thân nhau cách đây 03 năm, ngoài ra thấy rằng quá trình giải quyết vụ án anh G cũng nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị B. Vì vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh G đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tồn tại được một gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc và tiến bộ. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B với anh G là phù hợp với quy định tại Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Đức G có 03 con chung là cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 24/7/2012, cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 01/02/2014 và cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 27/7/2017. Quá trình giải quyết vụ án

anh G có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả ba cháu đến khi trưởng thành và yêu cầu chị B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh với số tiền 1.000.000đồng/tháng/cháu, cả ba cháu là 3.000.000đ/tháng. Chị B nhất trí để anh G nuôi dưỡng cả ba con chung và nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000đồng/tháng/cháu, cả ba cháu là 3.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Quá trình giải quyết vụ án qua hỏi ý kiến của cháu Huyền và cháu Hiền thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với anh G và qua xác minh xác định cả ba cháu hiện tại đang sinh sống cùng anh G. Do vậy để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các cháu cần giao cả ba con chung cho anh Nguyễn Đức G được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh G là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung*: Chị B và anh G cùng xác định không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về vay nợ chung*: Chị B và anh G cùng xác định không có không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Hoàng Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 147; 207; 227; 228; 235; 238; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83; 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Hoàng Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Đức G.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 24/7/2012; cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 01/02/2014 và cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 27/7/2017 cho anh Nguyễn Đức G được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Hoàng Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Đức G với số tiền 1.000.000đồng/1 tháng/1 cháu (*một triệu đồng trên một tháng trên một cháu*) đến khi cháu Nguyễn Thu H, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Thị H2 trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2021 trở đi; phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Hoàng Thị B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Khoản tiền phải cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh Nguyễn Đức Gcó đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Hoàng Thị B chậm nộp thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về án phí*: Chị Hoàng Thị B phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002502, ngày 05/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, chị B phải nộp tiếp số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Anh Nguyễn Đức G không phải chịu án phí.

Chị B và anh G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được hay niêm yết bản án./.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục T.H.A DS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Hùng Đức (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Văn Tuyến

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đàm Thị Kim Duyên - Nguyễn Hà Linh

Mạc Văn Tuyền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục T.H.A DS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Hùng Đức (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Văn Tuyến